

Bản án số: 255/2022/DS-PT

Ngày 20-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng tặng cho  
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Phương Loan

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Thành Lập

Bà Đinh Cẩm Đào

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lâm Ngọc Trâm là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 8 năm 2022 về việc: “Tranh chấp hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 191/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:**

1. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1958 (có mặt).
2. Ông Nguyễn Hoàng A1, sinh năm 1969 (vắng mặt).
3. Ông Nguyễn Hoàng T2, sinh năm 1972 (vắng mặt).
4. Bà Nguyễn Thị C (Xê), sinh năm 1955 (vắng mặt).
5. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1956 (vắng mặt).
6. Ông Nguyễn Minh Trường, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2, bà X, ông H1, ông Trường là bà Nguyễn Thị G.

7. Ông Nguyễn Công B, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp K, xã B, huyện H, tỉnh K ..

8. Bà Nguyễn Thị A2, sinh năm 1948 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh C .

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà C, ông H1, ông T2, bà G, ông Hoàng Anh: Luật sư Nguyễn Văn T3 – Văn phòng Luật sư Quốc Khởi thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kim T1, sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Tân Tiến, xã Phong Điền, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Kim Quyên, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 19/5 xã Thới Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Võ Thanh T4 – Văn phòng Luật sư Thanh T4 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Cà Mau (có mặt).

Địa chỉ: khóm 1, thị t, huyện T, tỉnh C ..

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Dương Hải H2, sinh năm 1983 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm 1, thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị G là nguyên đơn; Bà Nguyễn Kim T1 – là bị đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Minh Trường, ông Nguyễn Hoàng A1 trình bày:*

Ông Thương và bà Thời là cha, mẹ của các nguyên đơn và bị đơn. Ông Thương được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 09/3/1994 với diện tích 11.700m<sup>2</sup> tọa lạc tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C .. Đây là tài sản chung của ông Thương và bà Thời. Năm 2019, ông Thương qua đời, bà Thời họp gia đình để lập di chúc phân chia đất cho các con thì phát hiện phần đất 11.700m<sup>2</sup> ông Thương đã ký hợp đồng tặng cho bà T1 vào ngày 11/7/2018. Bà T1 đã được điều chỉnh trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Thương. Tháng 7/2021, UBND huyện Trần Văn Thời đã thu hồi của bà T1 diện tích 2.845,2m<sup>2</sup> để làm đường giao thông, diện tích còn lại hiện nay theo đo đạc thực tế 7.405,2m<sup>2</sup>. Vào ngày 20/5/2021 bà Lê Kim Thời khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thương và bà T1. Đến ngày 11/9/2021, bà Thời qua đời. Hiện nay, 6 nguyên đơn là bà X, ông H1, ông T2, bà G, ông Trường và ông Hoàng Anh cho rằng do bà T1 đã giả mạo chữ kí của ông Thương để làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất nên yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/7/2018.

*Nguyên đơn, ông Nguyễn Công B và bà Nguyễn Thị A2 từ chối không tham gia tố tụng và không có yêu cầu.*

*Bị đơn bà Nguyễn Kim T1 trình bày:* Ông Thương và bà Thời có tất cả 9 người con là bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Minh Trường, ông Nguyễn Hoàng A1, ông Nguyễn Công B, bà Nguyễn Thị A2 và bà Nguyễn Kim T1. Ông Thương và bà Thời có diện tích đất là 11.700m<sup>2</sup> do ông Thương được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất vào ngày 09/3/1994. Trong thời gian quản lý, sử dụng đất, bà T1 là người sống chung với cha mẹ và chăm sóc mẹ bị mù theo giấy chứng nhận thương tích từ năm 1989 do bị dịch tra tấn. Năm 2013, bà T1 đã cất nhà để ở cùng cha mẹ. Đến ngày 10/7/2018, bà Thời đã đồng ý cho ông Thương ký hợp đồng tặng cho bà T1 toàn bộ phần đất 11.700m<sup>2</sup>. Đến ngày 11/7/2018 bà T1 được điều chỉnh trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bà T1 đứng tên. Bà T1 vẫn ở nuôi dưỡng ông Thương và bà Thời đến ngày 08/3/2019 tại biên bản hòa giải của Tổ Hòa giải ấp Tân Tiến, xã Phong Điền bà T1 thỏa thuận đồng ý để bà G về ở nuôi cha mẹ. Đến ngày 14/10/2019, ông Thương qua đời. Vào ngày 14/7/2021, Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời đã phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ tái định cư để thu hồi diện tích đất 2.845,2m<sup>2</sup> theo dự án xây dựng đường giao thông. Phần đất còn lại theo đo đạc thực tế 7.405,2m<sup>2</sup>, trên diện tích đất này bà T1 đã chuyển nhượng cho ông H2 diện tích 1.916,3m<sup>2</sup> với giá 290.000.000 đồng. Bà T1 đã nhận của ông H2 170.000.000 đồng nhưng chưa làm thủ tục chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông H2 thì phát sinh tranh chấp. Nay, bà T1 không đồng ý hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/7/2018 và có đơn yêu cầu phản tố buộc bà G trả nhà đất cho bà T1 và buộc bà G chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất của bà T1. Bà T1 đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với ông H2. Đối với số tiền nhà nước hỗ trợ bồi thường khi thu hồi đất là 1.505.247.584 đồng, do có tranh chấp nên bà T1 chưa nhận được số tiền trên.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Hải H2 trình bày:* Vào các ngày 03/3/2021 và ngày 31/3/2021 bà T1 có chuyển nhượng cho ông H2 diện tích đất theo đo đạc thực tế 1.916,3m<sup>2</sup> tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C., với giá 290.000.000 đồng (có lập hợp đồng chuyển nhượng). Hai bên thỏa thuận ông H2 đưa trước cho bà T1 số tiền 170.000.000 đồng, bà T1 có trách nhiệm thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng diện tích 1.916,3m<sup>2</sup> cho ông H2 đứng tên, ông H2 giao tiếp số tiền còn lại cho bà T1. Nay, ông H2 yêu cầu công nhận việc chuyển nhượng ngày 03/3/2021 và ngày 31/3/2021, bà T1 có trách nhiệm thực hiện thủ tục tách quyền sử dụng diện tích 1.916,3m<sup>2</sup> cho ông H2 đứng tên, ông H2 giao tiếp số tiền còn lại 120.000.000 đồng cho bà T1.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:*

1/ Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị (C) Xê, ông Nguyễn Văn H1, ông Nguyễn Hoàng T2, bà Nguyễn Thị G, ông Nguyễn Minh Trường.

2/ Tuyên bố vô hiệu một phần tại Điều 1 – Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/7/2018, về việc ông Nguyễn Văn Thương tặng cho bà Nguyễn Kim T1 diện tích 3.702,5m<sup>2</sup>, thửa đất số 92, 113, tờ bản đồ địa chính số 12 – TL 2006, đất tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

3/ Chấp nhận một phần phản tố của bà Nguyễn Kim T1.

4/ Công nhận có hiệu lực một phần tại Điều 1 – Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/7/2018, về việc ông Nguyễn Văn Thương tặng cho bà Nguyễn

Kim T1 diện tích 3.702,5 m<sup>2</sup>, thửa đất số 92, 113, tờ bản đồ địa chính số 12 – TL 2006, đất tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ..

5/ Buộc bà Nguyễn Thị G chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng đất và công nhận cho bà Nguyễn Kim T1 được quyền sử dụng diện tích 1.741,6m<sup>2</sup>, thửa đất số 92, 113, tờ bản đồ địa chính số 12 – TL 2006, đất tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ., có tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp đất Dương Hải H2; Hướng Tây giáp đất Phạm Quốc Dũng và Ranh giải phóng mặt bằng tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đầm Thị Tường; Hướng Đông giáp Kênh Chông Mỹ; Hướng Nam giáp đất Nguyễn Thị Hạnh.

6/ Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Dương Hải H2.

7/ Công nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 03/3/2021 và ngày 31/3/2021 ký giữa bà Nguyễn Kim T1 với ông Dương Hải H2, diện tích 1.916,3m<sup>2</sup>, thửa đất số 92, 113, tờ bản đồ địa chính số 12 – TL 2006, đất tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh C ., có tứ cận như sau: Hướng Bắc giáp đất diện tích còn lại 3.702,5 m<sup>2</sup>; Hướng Tây giáp đất Ranh giải phóng mặt bằng tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đầm Thị Tường; Hướng Đông giáp Kênh Chông Mỹ; Hướng Nam giáp đất Nguyễn Kim T1.

8/ Ông Dương Hải H2 có trách nhiệm trả tiếp cho bà Nguyễn Kim T1 số tiền 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng).

9/ Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

10/ Tách số tiền bồi thường 1.505.247.584 đồng; chi phí di dời, xây mộ và chi phí khác của ông Thương và bà Thời số tiền 365.050.000 đồng; diện tích 3.702,5m<sup>2</sup> để giải quyết ở vụ án khác.

*Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.*

Ngày 04/7/2022 bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị G, kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất. Ngày 06/7/2022 bà Nguyễn Kim T1 có đơn kháng cáo yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và buộc bà G chấm dứt hành vi ngăn cản bà T1 sử dụng nhà đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà G đại diện theo ủy quyền của bà X, ông H1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bà G yêu cầu Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập bản gốc đơn xin khôi phục sổ hộ khẩu do ông Thương ký vào năm 2000 tại Công an huyện Trần Văn Thời làm cơ sở giám định với chữ ký của ông Thương trong hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất bà T1 vào năm 2018.

Bà Quyên đại diện theo ủy quyền của bà T1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng

tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X, ông Nguyễn Văn H1, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Kim T1 Hội đồng xét xử xét thấy:

Về tố tụng:

Bà X, ông H1, bà G đều thừa nhận vào ngày 20/5/2021, bà Lê Kim Thời khởi kiện bà Nguyễn Kim T1 để yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 10/7/2018 giữa ông Nguyễn Văn Thương và bà Nguyễn Kim T1. Tại thời điểm bà Thời khởi kiện, nhà và đất do bà Thời ở và quản lý. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 11/9/2021 bà Thời qua đời. Ngày 28/10/2021 những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Thời gồm bà G, ông Hoàng Anh, ông T2, bà X, ông H1, ông Trường đều thống nhất cử bà G kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thời để tiếp tục yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thương và bà T1 theo yêu cầu khởi kiện của bà Thời. Riêng ông Nguyễn Công B, bà Nguyễn Thị A2 không có ý kiến và từ chối tham gia tố tụng. Tại các biên bản ghi ý kiến ngày 16/12/2021 bà G, ông Hoàng Anh, ông T2, bà X, ông H1, ông Trường, đều thống nhất yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thương và bà T1 theo yêu cầu khởi kiện của bà Thời. Bà G thừa nhận tất cả các anh chị em bà đều không có làm đơn khởi kiện mà chỉ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Thời sau khi bà Thời qua đời. Bà G là người được ông Hoàng Anh, ông T2, bà X, ông H1, ông Trường thống nhất cử tham gia tố tụng. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã xác định bà X, ông H1, ông Hoàng Anh, ông T2, bà G, ông Trường, ông B, bà A2 là nguyên đơn, trong khi những người này đều không có đơn yêu cầu khởi kiện là vi phạm Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định “*Nguyên đơn là người khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án khi cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của người đó bị xâm phạm*”, như vậy bà Thời làm đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho đất giữa ông Thương và bà T1. Trong thời gian giải quyết vụ án, bà Thời qua đời thì các con bà Thời chỉ là những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Thời theo quy định tại Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự.

Sau khi cấp sơ thẩm xác định nguyên đơn là bà G, ông Hoàng Anh, ông T2, bà X, ông H1, ông Trường, ông B, bà A2, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà A2 vắng mặt không có đơn xin vắng mặt, lẽ ra cấp sơ thẩm phải đình chỉ giải quyết nhưng cấp sơ thẩm vẫn xét xử vắng mặt ông B và bà A2 là không đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Bản án sơ thẩm xác định có 8 nguyên đơn là bà G, ông Hoàng Anh, ông T2, bà X, ông H1, ông Trường, ông B, bà A2 nhưng tại Quyết định của Bản án cấp sơ thẩm chỉ giải quyết đối với 5 nguyên đơn là bà X, ông H1, ông T2, bà G, ông Trường. Còn lại 3 nguyên đơn là ông Hoàng Anh, bà A2 và ông B cấp sơ thẩm

không xem xét là chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về nội dung:

Bà Thời khởi kiện bà T1 yêu cầu hủy toàn bộ hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thương và bà T1 với diện tích đất tặng cho là 11.700m<sup>2</sup>, sau khi bà T1 được điều chỉnh trang 4 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì vào ngày 14/7/2021 UBND huyện Trần Văn Thời đã thu hồi của bà T1 diện tích đất là 2.845,2m<sup>2</sup> để làm đường giao thông và bồi thường, hỗ trợ di dời mộ với tổng số tiền 1.541.247.584 đồng. Cấp sơ thẩm giải quyết tuyên bố vô hiệu một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất theo yêu cầu của 5 nguyên đơn là bà X, ông H1, ông T2, bà G, ông Trường với diện tích 3.702,5m<sup>2</sup> và công nhận một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thương và bà T1 với diện tích là 3.702,5m<sup>2</sup>.

Như vậy, diện tích đất còn lại theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thương và bà T1 còn một phần đất do UBND huyện Trần Văn Thời thu hồi của bà T1 chưa được xem xét giải quyết. Trong khi đó, trên đất hiện nay có nhà và mộ do bà G và bà X là người đang trực tiếp ở và quản lý, số tiền hỗ trợ di dời chưa được xem xét giải quyết nhà đất hiện nay có nằm trong diện tích đất bị thu hồi hay không? ai là người được nhận tiền và chịu trách nhiệm di dời mộ theo quyết định thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền? Tại đơn phản tố ngày 29/11/2021 (BL 75) bà T1 yêu cầu bà G trả nhà đất cho bà T1, bà T1 cho rằng căn nhà bà G đang quản lý hiện nay là do bà T1 xây dựng vào năm 2013 và buộc bà G chấm dứt hành vi cản trở của bà T1 về việc sử dụng đất nhưng cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết hết yêu cầu phản tố của bà T1 là chưa giải quyết toàn diện vụ án.

Bản án xác định bà G phải chịu án phí và chi phí tố tụng mà không xem xét nghĩa vụ phải chịu án phí và chi phí tố tụng của các nguyên đơn còn lại là không đúng theo quy định tại điều 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn đề nghị ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ là đơn xin khôi phục sổ hộ khẩu do ông Thương ký vào năm 2000 tại công an huyện Trần Văn Thời để làm cơ sở giám định chữ ký của ông Thương theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thương và bà T1 vào năm 2018. Hội đồng xét xử đã quyết định ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ. Ngày 12/9/2022 Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã làm việc với Công an huyện Trần Văn Thời để thu thập chứng cứ nhưng do không có đơn của ông Thương được lưu trữ nên không có cơ sở để giám định chữ ký của ông Thương theo yêu cầu của bà G. Vì vậy, việc bà G yêu cầu giám định chữ ký của ông Thương theo đơn xin khôi phục hộ khẩu năm 2000 với hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Thương với bà T1 là không có cơ sở để giám định.

Do bản án sơ thẩm đã có vi phạm về thủ tục tố tụng và nội dung, cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được nên cần hủy án sơ thẩm để chuyển hồ sơ vụ án cho cấp sơ thẩm xét xử lại.

Do hủy án nên không xem xét nội dung kháng cáo của bà X, bà G, ông H1 và bà T1.

Về án phí sơ thẩm các đương sự đã dự nộp được giữ lại để tiếp tục giải quyết vụ án.

Về án phí phúc thẩm, bà T1 được nhận lại.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2022/DS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim T1 có dự nộp 300.000 theo biên lai thu tiền số 0004194 ngày 06/12/2022 được giữ lại để tiếp tục giải quyết vụ án.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Kim T1 đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005101 ngày 07/7/2022 được nhận lại.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi Cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Phương Loan**





